

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HN-ST**

Ngày: 02/4/2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Đoàn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Thái T**, sinh năm: 1990 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn:* Chị **Trương Thị L**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp XNA, xã TT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Thái T trình bày và yêu cầu như sau:* Anh và chị Trương Thị L chung sống với nhau vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 11/4/2012.

Trong quá trình chung sống thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hòa hợp, anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

Nay, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể kéo dài thêm nữa nên anh yêu cầu:

- Về quan hệ con chung: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị L.
- Về con chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Huỳnh Thái T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn chị Trương Thị L vắng mặt không có lý do.
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn anh T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn chị L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh T ly hôn với chị L; Về con không có nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do. Toà án triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L không tham gia. Tòa án đã triệu tập chị L tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của chị L không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị L chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/4/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T đối với chị L là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì anh T và chị L chung sống với nhau thời gian khoảng 01 năm thì vợ chồng chung sống không thể hòa hợp nên vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L không thể hàn gắn được dẫn đến việc anh chị đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú (ấp XNA và mẹ ruột chị L vào ngày 28/11/2018) cho thấy sau khi kết hôn được 01 năm thì anh T và chị L đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì không rõ là do đâu nhưng đến nay anh T và chị L không còn chung sống với nhau là đúng.

Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù chị L đã được thông báo hợp lệ nhưng chị L không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị L theo lời trình bày của anh T là chưa có cơ sở nhưng xét thấy giữa anh chị đã thật sự ly thân từ năm 2013 đến nay mà anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan T, chăm sóc nhau là anh chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh T được ly hôn với chị L.

[3] *Về quan hệ con chung*: Không có, HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn anh Huỳnh Thái T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] *Quyền kháng cáo*: Anh T và chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Thái T được ly hôn với chị Trương Thị L.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Thái T chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008859 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh T đã nộp xong.

- *Quyền kháng cáo*: Anh Huỳnh Thái T và chị Trương Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã NM (CM – AG).
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh